

Số: 2423/TB-BNN-VP

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2019

THÔNG BÁO

**Kết quả xếp hạng các địa phương về triển khai công tác
quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản năm 2018**

Căn cứ Quyết định số 4070/QĐ-BNN-QLCL ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, xếp hạng công tác quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tại các địa phương; hồ sơ kết quả tự đánh giá chấm điểm triển khai công tác quản lý an toàn thực phẩm năm 2018 của các địa phương và xét đề nghị của Hội đồng thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả tự đánh giá, chấm điểm công tác quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản của các địa phương năm 2018; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo Kết quả xếp hạng triển khai công tác quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản năm 2018 của các địa phương theo Phụ lục kèm theo.

Văn phòng Bộ xin thông báo để các cơ quan, đơn vị liên quan biết./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Các Vụ: KHCN&MT, KH, TCCB, PC, TC;
- Các Tổng cục: LN, TS;
- Các Cục: QLCLNLS&TS, TT, BVTV, CN, TY, CB và PTNT Nông sản, Kinh tế hợp tác và PTNT;
- Thanh tra Bộ, VP Bộ; TT Tin học & TK;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TH, QLCL (30)

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Văn Thành

**KẾT QUẢ XẾP HẠNG CÁC ĐỊA PHƯƠNG VỀ TRIỂN KHAI
CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM NÔNG LÂM
THỦY SẢN NĂM 2018**

(Kèm theo văn bản Thông báo số 2423 /TB-BNN-VP ngày 09 / 4 / 2019)

TT	Địa phương	Điểm thẩm định của hội đồng	Xếp hạng
1	Nam Định	90,00	Nhóm địa phương triển khai tốt.
2	Bạc Liêu	88,00	
3	Lào Cai	88,00	
4	Hà Nam	87,00	
5	Cần Thơ	86,00	
6	Thừa Thiên Huế	85,50	
7	Đồng Tháp	84,50	
8	Phú Thọ	84,50	
9	Quảng Ninh	84,50	
10	Lai Châu	84,00	
11	Hà Nội	83,00	
12	Hậu Giang	82,00	
13	Hòa Bình	82,00	
14	Sóc Trăng	82,00	
15	Đồng Nai	81,50	
16	Hà Tĩnh	81,50	
17	Khánh Hòa	81,50	
18	Quảng Bình	81,50	
19	Kiên Giang	79,50	Nhóm địa phương triển khai đạt yêu cầu.
20	Bình Thuận	78,50	
21	Tiền Giang	78,50	
22	Bình Định	78,00	
23	Hồ Chí Minh	78,00	
24	Trà Vinh	77,50	
25	Lâm Đồng	77,00	
26	Long An	77,00	
27	Ninh Bình	77,00	
28	Thái Bình	77,00	
29	Thanh Hóa	76,50	
30	Bình Phước	75,00	
31	Tây Ninh	74,50	
32	Vĩnh Phúc	74,50	



33	Bắc Giang	73,50
34	Gia Lai	73,50
35	Kon Tum	73,50
36	Thái Nguyên	73,50
37	Bà Rịa-Vũng Tàu	73,50
38	Lạng Sơn	73,00
39	Phú Yên	73,00
40	Hung Yên	72,50
41	Sơn La	72,00
42	Ninh Thuận	71,50
43	Đắk Nông	71,00
44	Tuyên Quang	70,50
45	Bình Dương	70,50
46	Vĩnh Long	68,50
47	Hà Giang	68,00
48	Bắc Ninh	67,00
49	Điện Biên	67,00
50	Hải Phòng	66,50
51	Nghệ An	66,00
52	Bắc Kạn	65,00
53	An Giang	64,50
54	Đắk Lắk	64,50
55	Cà Mau	64,00
56	Bến Tre	63,50
57	Hải Dương	63,50
58	Yên Bái	61,00
59	Cao Bằng	61,00
60	Quảng Nam	60,50
61	Quảng Trị	60,50
62	Quảng Ngãi	60,00
63	Đà Nẵng	Không nhận được hồ sơ tự chấm điểm của địa phương.

